

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07/02/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Thái**

Ông Danh Đẹp

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang
tham gia phiên tòa:*** Ông **Lâm Sễn**- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 499/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2022/QĐXXST- HN, ngày 28/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST- HNGĐ ngày 13/01/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1988.

* Bị đơn: Anh **Trần Hậu P**, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: **Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.**

(Chị **L** có mặt, anh **P** vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Kim L** trình bày như sau:**

Chị và anh **Trần Hậu P** chung sống vợ chồng vào năm 2008; hai bên gia đình không tổ chức đám cưới. Đến ngày 15/01/2020, vợ chồng chị làm thủ tục đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Những năm đầu chung sống, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị rất hạnh phúc. Thời gian gần đây, chị và anh **P** thường xuyên xảy ra cự cãi do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm rạn nứt. Chị và anh **P** đã ly thân khoảng 10 tháng nay và không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống gia đình.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **L** yêu cầu được ly hôn với anh **P**.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh **P** có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Như Q**, sinh ngày 12/10/2009 và **Nguyễn Thị Quỳnh N**, sinh ngày 04/10/2018. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị **L** xác nhận, chị và anh **P** không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh **P** không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

*** Bị đơn anh **Trần Hậu P**:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh **P** như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh **P** không đến Tòa án nên không có lời khai.

*** Tại phiên tòa:**

- **Chị **L**:** Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với anh **Trần Hậu P**. Chị yêu cầu được ly hôn với anh **P**; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh **P** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị và anh **P** không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Kim L**. Cho chị **Nguyễn Thị Kim L** được ly

hôn với anh **Trần Hậu P**. Về con chung: giao 02 con chung cho chị **L** nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Trần Hậu P** là bị đơn trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **P** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **L** và anh **P** chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **V** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/01/2020 theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị **L** yêu cầu xin ly hôn với anh **P**. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu xin ly hôn của chị **L** đối với anh **P** là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như lời trình bày của chị **L**, chị và anh **P** đã ly thân khoảng 10 tháng nay, anh chị không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau; không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị **L** vẫn cương quyết xin ly hôn với anh **P**. Đối với anh **P**, Tòa án đã tiến hành hòa giải 02 lần nhưng anh **P** không tham dự và cũng không có ý kiến gì đối với lời trình bày của chị **L**; tại phiên tòa hôm nay, anh **P** vẫn không tham dự. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị **L** và anh **P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **L**.

- Về con chung: Chị **L** và anh **P** có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Như Q**, sinh ngày 12/10/2009 và **Nguyễn Thị Quỳnh N**, sinh ngày 04/10/2018. Xét thấy tại biên bản ghi nhận nguyện vọng đề ngày 06/12/2022, cháu **Q** có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị **L**. Hiện nay, cháu **Q** và cháu **N** đang do chị **L** chăm sóc, nuôi dưỡng và tại phiên tòa hôm nay chị **L** cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con. Do đó, cần giao 02 con chung cho chị **L** tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian chị **L** nuôi dưỡng các con chung thì anh **P** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **L** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **L** xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Kim L** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Kim L**.

1/ Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Kim L** được ly hôn với anh **Trần Hậu P**.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên **Nguyễn Thị Như Q**, sinh ngày 12/10/2009 và **Nguyễn Thị Quỳnh N**, sinh ngày 04/10/2018 cho chị **Nguyễn Thị Kim L** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Trần Hậu P** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị **Nguyễn Thị Kim L** phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **L** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009765 ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị **L** đã nộp xong).

5/ **Q1** kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị Kim L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Trần Hậu P** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Đường sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo